

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Bà Phan Hoàng Mai

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 760/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú: Lô 22G1, khóm ĐT6, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG.

Tạm trú: Số 182/1D khóm ĐT8, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG (Có mặt).

***2. Bị đơn:*** Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1977.

Hộ khẩu thường trú: Số 25G2 đường TC, khóm ĐT9, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG.

Nơi làm việc: Số 325 đường Ung Văn Khiêm, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG (Quán Hải Sản L) (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2019, trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Quang H kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố LX, tỉnh AG. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau hai vợ chồng không hợp nhau nữa, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong đời sống hôn nhân, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà L và ông H đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà L không còn tình cảm đối với ông H, nên yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông H. Theo ý kiến trình bày của ông H mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng bà L không đồng ý.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung, vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Quang G, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2009. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai ngày 25 tháng 5 năm 2020, ông H trình bày yêu cầu Tòa án cho ông có thời gian trong hạn 30 ngày, kể từ ngày 25 tháng 05 năm 2020 để thực hiện việc cam kết những chuyện mâu thuẫn vợ con làm gia đình không hạnh phúc. Trường hợp sau 30 ngày không thực hiện được những mâu thuẫn vợ chồng thì ông H đồng ý ly hôn. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung không có ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông H.

Bị đơn ông Nguyễn Quang H trình bày: Bản thân ông H còn thương yêu vợ con, muốn hàn gắn gia đình cùng nhau xây dựng hạnh phúc cho con. Bà L yêu cầu xin ly hôn, ông H không đồng ý, yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng không đưa ra giải pháp để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án: bà L và ông H đăng ký kết hôn năm 2008. Giữa bà L và ông H phát sinh mâu thuẫn, ông H mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng xét thấy mặc dù ông H có văn bản trình bày sẽ tự giải quyết với chị L nhưng ông H không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến, bà L kiên quyết ly hôn với ông H. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã đi đến trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông H là phù hợp quy định tại

Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, cháu Nguyễn Quang G, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2009 hiện nay sống chung với bà L, được bà chăm lo tốt, có nơi ở ổn định. Do đó, nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Giàu nên chấp nhận giao con chung cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, bà L không yêu cầu ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Nhận thấy, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của ông Hồng. Về tài sản chung và nợ chung bà L và ông H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố LX, tỉnh AG; bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H; ông H hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố LX, tỉnh AG. Nên căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà L và ông H là “tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Quang H. Tại phiên tòa, bà L và ông H có mặt. Do đó, áp dụng Điều 227 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Quang H do cha mẹ sắp đặt nên đi đến cưới hỏi vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 257/KH.MP ngày 20 tháng 8 năm 2008, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, bà L và ông H phát sinh mâu thuẫn, bà L xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong thời gian sống chung bà L luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, ông H không chung thủy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

[5] Xét, hôn nhân giữa bà L và ông H mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Theo bà L, ông

H cùng xác định cả hai không còn tình cảm với nhau. Tuy nhiên, ông H yêu cầu đoàn tụ gia đình vì không mong muốn gia đình tan vỡ, con không có đầy đủ cha mẹ nhưng bà L không đồng ý, kiên quyết ly hôn. Nhận thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng vợ chồng đã ly thân từ năm 2019. Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông H. Do đó, căn cứ vào Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông H.

[6] Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Quang G, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2009. Hiện nay, con chung đang sống ổn định với bà L, được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, nguyện vọng của cháu G mong muốn sống chung với bà L. Do đó, xét cần thiết phải giao con chung tên Nguyễn Quang G cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung nên chấp nhận yêu cầu của ông H, cấp dưỡng nuôi con chung cháu G đến khi thành niên là phù hợp quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng đối với con chung là 745.000đ/tháng (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (18 tuổi). Do đó, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông H là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L cho rằng bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H thống nhất, cũng không có ý kiến cung cấp cho Tòa án về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà L, ông H nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điều 227, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Nguyễn Quang H.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Quang G, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2009. Ông Nguyễn Quang H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 745.000đ/tháng (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (18 tuổi). Bà L phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Quang H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005862 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Quang H nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Quang H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**